

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HN - ST
Ngày: 02 - 7 - 2018
V/v tranh chấp “ Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Ông Lê Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2017/TLST - DS ngày 9 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “ ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST - HN ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1990. (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh P, sinh năm 1989. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 12/1 ấp An LB, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Kim N và anh Lê Thanh P tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ vào năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng sống chung bên nhà cha mẹ vợ, sau đó có về sống chung bên nhà cha mẹ chồng.

Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh P không lo cho gia đình, không phụ giúp chị nuôi con lại thường xuyên

nhậu nhẹt, mỗi khi nhậu vào là kiểm chuyện ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Không những vợ chồng có mâu thuẫn với nhau mà chị N, anh P còn mâu thuẫn với cha mẹ hai bên.

Khi sống chung bên chồng chị N có mâu thuẫn với mẹ chồng nên chị N và anh P lên Sài Gòn thuê nhà trọ sống để làm việc đã được 05 năm. Khoảng 04 tháng trước, anh P có mâu thuẫn với cha mẹ vợ, trong lúc say rượu nóng tính nên xảy ra cãi cọ giữa anh P với cha mẹ vợ, anh P đánh nhau với cha mẹ vợ.

Chị N yêu cầu ly hôn anh P vì mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn.

Anh P không đồng ý ly hôn với chị N, yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 01/11/2011, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Gia H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P không đồng ý giao cháu Gia H cho chị N nuôi dưỡng. Trường hợp, Tòa án chấp nhận cho chị N ly hôn anh P thì anh P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Gia H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N, anh P khai không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ ly hôn ” do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Long An, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 82, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ cấp ngày 24/02/2015 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị N và anh P không

còn gắn bó, mâu thuẫn không chỉ giữa vợ chồng mà còn mâu thuẫn giữa gia đình cha mẹ hai bên, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Chị N và anh P đều có yêu cầu nuôi cháu Lê Gia H. Xét, cháu H hiện nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị N và anh Phước không sống chung với nhau, cháu H hiện vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Gia H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị N và anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim N được ly hôn anh Lê Thanh P

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 01/11/2011 cho chị Trần Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trần Thị Kim N không yêu cầu anh Lê Thanh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị N và anh Ph khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001523 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua, chị N không phải nộp thêm án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ
- THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Ngọc Tú